nghiệp nữ ở nhóm có vợ/chồng lại chiếm tỷ trọng lớn nhất (63,2%).

proportion of the unemployed male was for the group "never married", while that of the unemployed female was for the group "married", accounting for 63.0% and 63.2%, respectively.

Điều này có thể được lý giải rằng, phụ nữ có ít cơ hội nghề nghiệp hơn và nếu cùng làm một công việc thì thu nhập dành cho phụ nữ thường thấp hơn nam giới. Thêm vào đó, phụ nữ sau khi kết hôn thường dành phần lớn thời gian lo cho gia đình nên càng khó nắm được cơ hội việc làm. Còn đối với nam giới, bên cạnh lợi thế sẵn có về cơ hội việc làm, và thường thì sau khi kết hôn, với vai trò là trụ cột gia đình họ sẽ lại càng gắng sức hơn trong việc tìm và giữ việc làm.

This can be explained that females often have fewer job opportunities and get lower salary if taking the same job as males do. In addition, after marriage, married females have to spend most of their time for caring family. Therefore, it will be more difficult to take chances of job. On the contrary, along with the natural advantages in job, after marriage, males usually have to play as bread-winners in their family. Therefore, they will have to struggle more to look for and keep job.

BIỂU (TABLE) 3.20:

SỐ LƯỢNG VÀ PHÂN BỐ PHẦN TRĂM LAO ĐỘNG THẤT NGHIỆP THEO TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN VÀ GIỚI TÍNH 2008

NUMBER AND PERCENTAGE DISTRIBUTION OF UNEMPLOYED POPULATION BY MARITAL STATUS AND SEX 2008

	Số lượng – Number			Tỷ trọng – Proportion			Nữ Female (%)
	Chung Total	Nam Male	Nữ Female	Chung Total	Nam Male	Nữ Female	
Tổng số - Total	**1 080 376**	**459 241**	**621 135**	**100,0**	**100,0**	**100,0**	**57,5**
1. Chưa vợ/chồng Never married	485 493	289 251	196 242	44,9	63,0	31,6	40,4
2. Có vợ/chồng Married	550 592	158 119	392 473	51,0	34,4	63,2	71,3
3. Goá Widowed	20 630	3 265	17 365	1,9	0,7	2,8	84,2
4. Ly hôn/Ly thân Divorced/Separated	23 663	8 607	15 056	2,2	1,9	2,4	63,6

PDF compression, OCR, web optimization using a watermarked evaluation copy of CVISION PDFCompressor